

Số: 02/2024/QĐST – KDTM

Ngọc Hồi, ngày 21 tháng 5 năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2024/TLST – KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2024.

### XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### QUYẾT ĐỊNH:

#### 1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng n Việt Nam – Chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ, tỉnh K – Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc A Việt Nam; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vi Hữu Tr - Giám đốc chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ; Địa chỉ: Số 233 đường Hùng Vương, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh K.

- **Đồng bị đơn:** Anh Trương Xuân Ng, sinh năm 1988 và chị Hoàng Thị Thanh Th, sinh năm 1990; Cùng địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Ng, tỉnh K. Chị Hoàng Thị Thanh Th ủy quyền cho anh Trương Xuân Ng tham gia tố tụng và được toàn quyền quyết định mọi vấn đề khi giải quyết vụ án kinh doanh thương mại tại Tòa án.

#### 2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản nợ: anh Trương Xuân Ngọc và chị Hoàng Thị Thanh Th công nhận đến ngày 13/5/2024 còn nợ ngân hàng số tiền là 1.682.780.822đ ; tiền gốc là

1.400.000.000đ; tổng tiền lãi là 282.780.823đ (trong đó 56.958.904đ là tiền lãi quá hạn; 225.821.918đ là tiền lãi trong hạn) tạm tính đến ngày 13/5/2024 và lãi suất tiếp tục phát sinh.

2.2. Về thời gian trả nợ: anh Trương Xuân Ng và chị Hoàng Thị Thanh Th sẽ trả tiền vào ngày 13/12/2024. Trường hợp anh Trương Xuân Ng và chị Hoàng Thị Thanh Th không trả được khoản nợ trên thì nguyên đơn yêu cầu kê biên, thi hành án đối với tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5101-LCL- 201900746 ngày 19/3/2019 để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất: Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 32. Địa chỉ: Thôn M, xã P, huyện Ng, tỉnh K. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BT 212610 do UBND huyện Ng, tỉnh K cấp ngày 30/8/2016 mang tên anh Trương Xuân Ng và chị Hoàng Thị Thanh Th.

2.3. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ để trả khoản nợ trên và lãi suất phát sinh thì anh Trương Xuân Ng và chị Hoàng Thị Thanh Th phải tiếp tục trả tiền cho Ngân hàng n Việt Nam – Chi nhánh ngân hàng n huyện Đ, tỉnh K.

2.4. Về án phí: Căn cứ Điều 144 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Anh Trương Xuân Ng và chị Hoàng Thị Thanh Th nhận nộp 31.241.000 (*ba một triệu, hai trăm bốn một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, trả lại cho ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Đ, tỉnh K số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 30.982.000đ (*ba mươi triệu, chín trăm tám hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002003 ngày 09/4/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng, tỉnh K.

2.5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết số tiền 2.000.000đ, anh Trương Xuân Ng và chị Hoàng Thị Thanh Th nhận nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ, nên anh Trương Xuân Ng và chị Hoàng Thị Thanh Th phải trả cho Ngân hàng n Việt Nam – Chi nhánh ngân hàng n huyện Đ, tỉnh K số tiền 2.000.000đ mà Ngân hàng Việt Nam – Chi nhánh ngân hàng N huyện Đ, tỉnh K đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự;*

*thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- TAND tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**THẨM PHÁN**

Đã ký

**Nguyễn Thị Kim Oanh**